

CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH MTV
ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA

Ninh Hòa, ngày ..9. tháng ..11 năm 2015

102

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động.....	4
Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu của Công ty.	5
Điều 4. Người đại diện theo pháp luật.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG II.	7
VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY.....	7
Mục 1. Vốn	7
Điều 6. Vốn điều lệ.....	7
Điều 7. Thay đổi vốn điều lệ.....	8
Mục 2. CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY.....	8
Điều 8. Chủ sở hữu Công ty.....	8
Điều 9. Quyền của chủ sở hữu Công ty.....	8
Điều 10. Hạn chế đối với quyền của chủ sở hữu Công ty	9
Điều 11. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty	9
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty	10
CHƯƠNG III.....	10
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	10
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý	10
Điều 14. Hội đồng thành viên	10
Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên	12
Điều 16. Chủ tịch Hội đồng thành viên	13
Điều 17. Thẩm quyền và cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên	14
Điều 18. Thủ tục thông qua Nghị quyết của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	14
Điều 19. Tổng giám đốc Công ty	15
Điều 20. Kiểm soát viên	16
Điều 21. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và kiểm soát viên.....	17
Điều 22. Bộ máy giúp việc	18
Điều 23. Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của Công ty	18
Điều 24. Quản lý lao động	19
CHƯƠNG IV.....	19
Điều 25. Tài khoản ngân hàng	19

Điều 26. Năm tài chính	20
Điều 27. Hệ thống kế toán	20
CHƯƠNG V.....	20
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÀI CHÍNH, LỢI NHUẬN	20
Điều 28. Chế độ báo cáo tài chính của Công ty	20
Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên... 21	
Điều 30. Phân phối lợi nhuận của Công ty và xử lý lỗ trong kinh doanh	21
CHƯƠNG VI.	21
CON DẤU	21
Điều 31. Con dấu.....	21
CHƯƠNG VII.....	22
GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN	22
Điều 32. Giải quyết tranh chấp và tố tụng	22
Điều 33. Giải thể Công ty	22
Điều 34. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty	22
Điều 35. Giải thể Công ty trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.....	24
Điều 36. Hồ sơ giải thể Công ty	25
Điều 37. Tổ chức lại Công ty	25
CHƯƠNG VIII.	25
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	25
Điều 38. Sửa đổi bổ sung Điều lệ.....	25
Điều 39. Điều khoản cuối cùng.....	26

PHẦN MỞ ĐẦU

Chủ sở hữu Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 3600495818

Cấp ngày: 16/05/2001, tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều lệ hoạt động của **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỜNG BIÊN HÒA – NINH HÒA** tuân theo Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014.

CHƯƠNG I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Công ty, Công ty con: cùng được hiểu là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Đường Biên Hòa - Ninh Hòa, được chuyển đổi từ Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa.
2. Chủ sở hữu, Công ty mẹ: cùng được hiểu là Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
3. Cán bộ/người quản lý của Công ty: là thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.
4. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.
5. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
6. Các từ, thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty:

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỜNG BIÊN HÒA - NINH HÒA**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA - NINH HOA SUGAR ONE MEMBER COMPANY LIMITED

- Tên công ty viết tắt: NHS
- 2. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Trụ sở chính của công ty đặt tại: thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- 3. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.
- 4. Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự nhất trí bằng văn bản của Chủ sở hữu Công ty và được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập, thời điểm kết thúc do Chủ sở hữu Công ty quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Ngành nghề kinh doanh và mục tiêu của Công ty.

- 1. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống. Mã ngành 4620
Chi tiết: Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ. Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu.
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Mã ngành: 4933
 - Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện; Mua bán điện. Mã ngành: 3510
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng. Mã ngành: 4290
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công, chế tạo cơ khí. Mã ngành: 2592
 - Bán buôn chuyên doanh khác. Chi tiết: Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón. Mã ngành: 4669
 - Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón. Mã ngành: 2012
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi. Mã ngành: 5210

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Mã ngành: 6810
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán đường. Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa. Mã ngành: 4632
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Mã ngành: 4711
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp loại khác. Mã ngành: 4719
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 4722
- Bán buôn đồ uống. Mã ngành: 4633
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Mã ngành: 4723
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ. Mã ngành: 4781
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa. Mã ngành: 4610
- Dịch vụ đóng gói. Mã ngành: 8292
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng, dầu, nhớt (trừ dầu nhớt cần). Mã ngành: 4661
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng khác. Mã ngành: 4659
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, inox. Mã ngành: 4662
- Trồng cây mía. Mã ngành: 1140
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp. Mã ngành: 3312
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Mã ngành: 7730
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt. Chi tiết: Dịch vụ cơ giới hóa trồng và chăm sóc cây mía. Mã ngành: 0161

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể thay đổi, sửa đổi, bổ sung theo nhu cầu và tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Mục tiêu chung của Công ty là huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu được nhiều lợi nhuận; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho chủ sở hữu; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Chủ sở hữu Công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty, nếu không có quyết định khác của Chủ sở hữu Công ty.
4. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Chủ sở hữu Công ty cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

CHƯƠNG II.

VỐN VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Mục 1. Vốn

Điều 6. Vốn điều lệ

- 1) Vốn điều lệ: 607.500.000.000 VND (*bằng chữ: Sáu trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).
Vốn điều lệ được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.
- 2) Vốn điều lệ của Công ty có thể thay đổi theo quyết định của Chủ sở hữu Công ty và đáp ứng đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thay đổi vốn điều lệ

1. Công ty thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau:
 - a. Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 (hai) năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;
 - b. Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật doanh nghiệp.
2. Công ty tăng vốn điều lệ bằng cách Chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.
3. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Công ty phải chuyển đổi Công ty sang hoạt động theo một trong hai loại hình sau đây:
 - a. Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;
 - b. Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196 của Luật Doanh nghiệp.

Mục 2. CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8. Chủ sở hữu Công ty

1. Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là chủ sở hữu toàn bộ vốn điều lệ của Công ty.
2. Hội đồng quản trị Công ty mẹ là cơ quan đại diện trực tiếp của Chủ sở hữu đối với toàn bộ vốn điều lệ của Công ty.

Điều 9. Quyền của chủ sở hữu Công ty

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
4. Phê duyệt bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên;
5. Quyết định các dự án đầu tư;
6. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

7. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
8. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
9. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
10. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
11. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
12. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
13. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
14. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
15. Các quyền khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 10. Hạn chế đối với quyền của chủ sở hữu Công ty

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của Công ty.
2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Thực hiện đúng nghĩa vụ của Chủ sở hữu theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật

Điều 11. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty

1. Tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty liên quan đến Chủ sở hữu.
2. Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của Công ty.
3. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ sở hữu Công ty
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản được giao để sản xuất, kinh doanh với tư cách là một pháp nhân theo quy định của pháp luật trên nguyên tắc bảo toàn nguồn vốn của Chủ sở hữu và kinh doanh có hiệu quả không trái quy định pháp luật.
2. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động.
4. Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.
5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu.
6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu, chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính nhà nước.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III.

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm:

1. Hội đồng thành viên;
2. Tổng giám đốc;
3. Kiểm soát viên.

Cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Điều 14. Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm từ 03 đến 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; có quyền nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các

- quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.
2. Quyền, nghĩa vụ và quan hệ làm việc của Hội đồng thành viên đối với Chủ sở hữu Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
 3. Chủ sở hữu công ty chỉ định Chủ tịch Hội đồng thành viên. Nhiệm kỳ, quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.
 4. Thẩm quyền, cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 17 của Điều lệ này.
 5. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba số thành viên dự họp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 6. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp chấp thuận. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất ba phần tư số thành viên dự họp chấp thuận.
Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại Nghị quyết đó.
 7. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
 8. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d) Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua;
 - f) Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp.

Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 15. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng thành viên

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Chủ sở hữu Công ty.
2. Hội đồng thành viên có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Chủ sở hữu Công ty quy định. Cụ thể, Hội đồng thành viên có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a) Kiến nghị kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Chủ sở hữu thông qua;
 - c) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - d) Quyết định bán tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e) Phê duyệt bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý Công ty, ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu Công ty;
 - f) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
 - g) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
 - h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng thành viên quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - j) Các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Hội đồng thành viên phải báo cáo Chủ sở hữu Công ty về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng thành viên đối với Tổng giám đốc điều hành

và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng thành viên không trình báo cáo cho Chủ sở hữu Công ty, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị.

5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng thành viên có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
6. Thành viên Hội đồng thành viên được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng thành viên. Tổng mức thù lao cho Hội đồng thành viên sẽ do Chủ sở hữu Công ty quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng thành viên theo thoả thuận trong Hội đồng thành viên hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
7. Thành viên Hội đồng thành viên nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng thành viên là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng thành viên, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Chủ sở hữu.
8. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng thành viên của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng thành viên, hoặc Chủ sở hữu Công ty.

Điều 16. Chủ tịch Hội đồng thành viên

Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- 1) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
- 2) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến các thành viên;
- 3) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;
- 4) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên;
- 5) Thay mặt Hội đồng thành viên ký các Nghị quyết của Hội đồng thành viên;

- 6) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thẩm quyền và cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên

- 1) Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty, hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng thành viên và được sự nhất trí của Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể triệu tập họp bất cứ khi nào thấy cần thiết.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên ít nhất ba ngày trước ngày dự kiến họp. Thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
- b) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- c) Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành.

- 2) Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax, bưu điện, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho các thành viên trước khi họp.

Điều 18. Thủ tục thông qua Nghị quyết của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- 1) Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền bất cứ khi nào khi xét thấy cần thiết.

- 2) Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.
- 3) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính.
 - b) Họ, tên, Giấy chứng minh nhân dân của Thành viên Hội đồng thành viên.
 - c) Các vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty.
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.
Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên và được gửi về Công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.
- 4) Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, Nghị quyết được thông qua được gửi đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến.
 - b) Họ, tên của Thành viên đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; Thành viên gửi phiếu ý kiến không hợp lệ hoặc không gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty.
 - c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có).
 - d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết.
 - e) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng.
 - f) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Điều 19. Tổng giám đốc Công ty

- 1) Tổng giám đốc do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này hoặc thuê với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

- 2) Tổng giám đốc Công ty có các quyền sau đây:
- a) Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên công ty;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty tuân thủ theo các quyết định, Nghị quyết của Hội đồng thành viên, Chủ sở hữu Công ty;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Ban hành quy định quản lý nội bộ Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty theo sự phân quyền của Hội đồng thành viên Công ty vào từng thời kỳ;
 - f) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty;
 - g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
 - h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên công ty;
 - i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j) Tuyển dụng lao động;
 - k) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc, quy định nội bộ Công ty.
- 3) Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác do Chủ sở hữu Công ty quy định.

Điều 20. Kiểm soát viên

- 1) Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá năm năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- 2) Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:
 - a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng thành viên công ty và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

- b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;
 - c) Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;
 - d) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu công ty.
- 3) Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- 4) Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;
 - c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

Điều 21. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và kiểm soát viên

- 1) Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây:
- a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;
 - e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh và Điều lệ công ty.
- 2) Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 22. Bộ máy giúp việc

- 1) Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm. Phó Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc công ty, trước Hội đồng thành viên công ty và pháp luật về nhiệm vụ được giao thực hiện. Các chức danh quản lý quan trọng khác do Hội đồng thành viên công ty bổ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc, gồm: Trưởng phòng và phó trưởng phòng, ban nghiệp vụ
- 2) Kế toán trưởng Công ty giúp Tổng giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định pháp luật.

Điều 23. Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của Công ty

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định:
- a) Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty;
 - b) Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;
 - c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này;
 - d) Người quản lý của chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;
 - e) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng thành viên công ty, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng liên quan đối với Hợp đồng, giao dịch nêu trên đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.

2. Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận

được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt.
 - b. Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.
 - c. Chủ sở hữu Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này.
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký hợp đồng và những người có liên quan là các bên của hợp đồng phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 24. Quản lý lao động

- 1) Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.
- 2) Tổng giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Hội đồng thành viên ban hành.

CHƯƠNG IV.

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 25. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản theo quy định pháp luật.

Điều 26. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày Một (01) tháng Bảy (7) dương lịch và kết thúc vào ngày Ba mươi (30) tháng Sáu (6) dương lịch của năm tiếp theo. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (chuyển đổi từ Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa thành Công ty TNHH một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa) và kết thúc vào ngày thứ 30 của tháng 06 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 27. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Việc sử dụng đồng ngoại tệ phải tuân thủ theo pháp luật Việt Nam.

CHƯƠNG V.

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÀI CHÍNH, LỢI NHUẬN

Điều 28. Chế độ báo cáo tài chính của Công ty

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính. Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo 06 tháng và hàng quý cho Chủ sở hữu Công ty hoặc khi có yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty.

Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Công ty và Kiểm soát viên

- 1) Người quản lý công ty và Kiểm soát viên được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.
- 2) Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 30. Phân phối lợi nhuận của Công ty và xử lý lỗ trong kinh doanh

- 1) Hàng năm, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng thành viên có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác để trình Chủ sở hữu Công ty quyết định theo từng năm.
- 2) Mức trích lập các quỹ do Chủ sở hữu quyết định. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định sử dụng các quỹ này theo mức trích lập đã được Chủ sở hữu thông qua.
- 3) Chủ sở hữu của Công ty chỉ được chia lợi nhuận của Công ty khi Công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

CHƯƠNG VI.

CON DẤU

Điều 31. Con dấu

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII.
GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN

Điều 32. Giải quyết tranh chấp và tố tụng

1. Tranh chấp nội bộ, Công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thoả thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.
2. Tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

Điều 33. Giải thể Công ty

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Hết thời hạn hoạt động quy định tại điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo quyết định của chủ sở hữu Công ty;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Việc giải thể Công ty theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do Chủ sở hữu Công ty quyết định, Hội đồng thành viên thực hiện. Quyết định giải thể phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Trình tự, thủ tục giải thể Công ty theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 33 của Điều lệ theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Lý do giải thể;
 - c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
 - d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Chủ sở hữu công ty quyết định, Hội đồng thành viên tổ chức thực hiện thanh lý tài sản doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
4. Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).
5. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:
 - a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - b) Nợ thuế;
 - c) Các khoản nợ khác.
6. Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể Công ty, phần còn lại chia Chủ sở hữu Công ty.
7. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.
8. Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của Công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 35. Giải thể Công ty trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.

Việc giải thể Công ty theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh, phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo phải đính tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án;
2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của Công ty phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

3. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 34 của Điều lệ này.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.
5. Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký

kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

6. Cá nhân người quản lý công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 36. Hồ sơ giải thể Công ty

1. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:
 - a) Thông báo về giải thể doanh nghiệp;
 - b) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);
 - c) Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);
 - d) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp.
3. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 2 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 37. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

CHƯƠNG VIII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38. Sửa đổi bổ sung Điều lệ

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được nêu trong Bản Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái luật pháp hoặc dẫn đến việc thi hành trái luật pháp, thì điều khoản đó không được thi hành và sẽ được Chủ sở hữu xem xét sửa đổi.

3. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Chủ sở hữu Công ty xem xét quyết định.

Điều 39. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm 8 chương, 39 điều; được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: 01 bản nộp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa; 01 bản nộp Chủ sở hữu Công ty; 08 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty kể từ ngày Chủ sở hữu thông qua Điều lệ theo Nghị quyết số: 401/2015/NQ-HĐQT ngày 09/11/2015..... Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Ninh Hòa, ngày ..9.. tháng ..11 năm ...2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Thị Hòa